

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P3+P1	7:25	19+3+0	0+0+0		11+0+0	0+0+0	CHUYEN 1 P3-P1
2		RP3+P7	7:25	22+0+0	0+0+0		18+2+0	0+0+0	
3		VSP02+RP1+RP3	7:25	2+12+8	0+0+0		0+11+9	0+0+0	
4		VSP1 +RC4+RCDM	9:25	1+14+6	0+0+0		0+7+8	0+0+0	
5		RC6+RC5+TD5+PVD2	9:25	9+10+3+0	0+0+0+0		5+8+0+5	0+0+0+0	HANG VE PVD2-150 KG
6		RC3+CTK3+CLO	9:25	4+1+17	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
7		RP1+TD3+TD1	11:25	14+6+2	0+0+0		12+0+3	0+0+0	
8		BK3+BK5+P2	11:25	8+8+6	0+0+0		0+6+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ĐI VỀ TRONG NGÀY TD1-2NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2021	TO: TD1 - P3 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Vũ -	ETA: 09:10
xanh-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO V.A	TD1	09	1	5		100	DIEUHANH	Russian
2	TOIB R.R	TD1	10	1	3		95	KHOAN	Russian
3	LE TRONG LUONG	TD1	14	1	5	50	65	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẠNG VIỆT KHÔI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NHƯ BANG	TD1	12	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THIỆU	TD1	13	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	11	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	19	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	LE XUAN HAI	TD1	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	06	1	3		91	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG ĐỨC	TD1	07	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LAI CAO THANH	TD1	21	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUYNH TRUNG	TD1	15	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN BÙU TÂM	TD1	03	1	5		110	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH QUANG CHIẾN	TD1	17-18	2	15		74	KHOAN	Vietnamese
17	LE XUAN THANG	TD1	04-05	2	17		84	KHOAN	Vietnamese
18	QUACH THE ANH	TD1	25	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TRIET	TD1	22-23	2	10		70	DVL	Vietnamese
20	TRINH HOAI ĐỨC	P3	58-59	2	10		71	CODIEN	Vietnamese
21	BUI VAN MINH	P3	61	1	10	32	65	CODIEN	Vietnamese
22	TÔ TIEN HUNG	P3	60	1	5		80	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

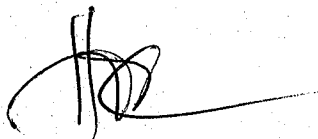
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	21	118	1.447	50	11		CHUYEN 01 PAX TU P3 SANG P1
2	P3	3	4	25	216	32			
3	P1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	143	1.663	82	12		
WEIGHT KG				143	1.663	82			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: RP3 - P7	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ HỒ HAI	RP3	34	1	3	60	63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO VIỆT HAI	RP3	25	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRI CHUNG	RP3	21	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	19	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG TÔ	RP3	37	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	22	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	18	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	24	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HAI HA	RP3	23	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	20	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TÂM	RP3	35	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG *TT	RP3	27	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	32	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯ TRẦN HÙNG	RP3	17	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	31	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VĂN HỒI	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU MẠU	RP3	33	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	33	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH QUANG THANH	RP3	26	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO ĐỨC THANH	RP3	32	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

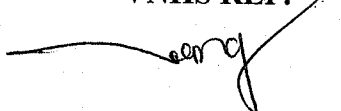
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	21	104	1.537	60	18		
2	P7	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	21	104	1.537	60	20		
WEIGHT KG				104	1.537	60			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: VSP02 - RP1 - RP3	CREW: HUNG - MTHAO - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY THAN	VSP02	85	1	9	98	69	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	86	1	9		75	CODIEN	Vietnamese
3	LE HUY TAM	RP1	14	1	4	15	60	KH-THAC	Vietnamese
4	VUONG VAN THONG	RP1	21-23	3	18		63	YTE	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NANG	RP1	16	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TUAN ANH	RP1	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HAI	RP1	26	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGOC LONG	RP1	25	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	DO DUC VUONG	RP1	19	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET BANG	RP1	17-18	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
11	VU BA NEP	RP1	27-28	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG VU NHAT VINH	RP1					79	KH-THAC	Vietnamese
13	LE TRI KHANH	RP1	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH MINH SANG	RP1	20	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TAN NGON	RP3	42	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HIEN	RP3	39	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
17	VO THANH LAM	RP3	37	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUY HAI	RP3	43	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH HO	RP3	40	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM QUOC CHE	RP3	41	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
21	VU CHI KIEN	RP3	36	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN MINH	RP3	38	1	9		86	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	2	2	18	144	98	0		
2	RP1	12	15	94	851	15	13		
3	RP3	8	8	42	568	0	9		
TOTAL		22	25	154	1.563	113	22		
WEIGHT KG				154	1.563	113			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2021	TO: VSP01 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KENNETH CHRISTIAN GOOLEY	VSP01	51-53	3	17		90	KH-THAC	American
2	IUSUPOV	RC4	35-36	2	16		70	KH-THAC	Russian
3	KUSHENKO	RC4	72-73	2	10		65	KH-THAC	Russian
4	PHẠM HỒNG SƠN	RC4	33-34	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG TÍN	RC4	48	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG HUNG	RC4	42	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
7	DUYỆNH NHẬT THANH	RC4	22	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIẾN	RC4	43	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN SƠN TÙNG	RC4	30-31	2	17		65	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM THANH DUY	RC4	21	1	5	60	85	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH CƯỜNG	RC4	44-45	2	17		65	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN DANG	RC4	37-38	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
13	THỊNH TUÂN HAI	RC4	41	1	15		85	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ VĂN KHA	RC4	39-40	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐINH VĂN LƯU	RC4	32	1	5		50	PSV	Vietnamese
16	DUYỆNH MINH QUAN	RCDM	38-39	2	7		60	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYẾN	RCDM	34-35	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THUẬN	RCDM	33	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ TIẾN DŨNG	RCDM	51	1	5	35	75	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYỀN MINH TRI	RCDM	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	1	3	17	90	0	0		
2	RC4	14	21	156	994	60	7		
3	RCDM	5	7	36	345	35	8		
TOTAL		20	31	209	1.429	95	15		
WEIGHT KG				209	1.429	95			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

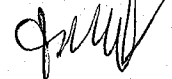
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2021	TO: RC6 - RC5 - TD5 - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - Dương - Vũ -	ETA: 11:30
XANH-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU SON	RC6	63	1	3	40	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAN	RC6	68	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RC6	67	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LA	RC6					70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THE QUANG	RC6	61	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN GIA CUONG	RC6	66	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
7	VO TRONG NHIEU	RC6	62	1	12		52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH NINH	RC6	65	1	13	41	73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VIET HA	RC6	64	1	6		78	PSV	Vietnamese
10	PHAN XUAN THANH	RC5	46	1	12	40	66	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO THANH HOP	RC5	55	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
12	VO VAN DONG	RC5					72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH VAN TIEN	RC5	52	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TOAN	RC5	47	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH VAN LIEN	RC5	48	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG DINH HOA	RC5	51	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHUNG DAI DUONG	RC5	49-50	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HO DINH LOC	RC5	45	1	6		78	PSV	Vietnamese
19	POK SERGEY	TD5	59	1	7		126	DIEUHANH	Russian
20	PAVLYCHEV V.IU	TD5	60	1	5		89	KHOAN	Russian
21	PAKHMATULLIN R.S	TD5	13	1	5		80	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	9	8	64	653	81	5		HANG VE BO TU PVD2 150KG
2	RC5	9	9	52	634	40	8		
3	TD5	3	3	17	295	0	0		
4	PVD2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	20	133	1.582	121	18		
WEIGHT KG				133	1.582	121			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: RC3 - CTK3 - CLO	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH ĐỨC	RC3	46	1	17	72	98	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÂM	RC3	48	1	16	10	79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG AN	RC3	47	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHÍ CÔNG	RC3	44	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HUU TUNG	CTK3				29	70	SAN BAY	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN HÙNG	CLO	23	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	34	1	5	15	67	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN CÔNG PHU	CLO	27	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
9	LÀ VIỆT HÙNG	CLO	25	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	24	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	33	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	32	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	26	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	28	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN KIM HÙNG	CLO	22	1	15		73	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN BUI QUANG	CLO	29	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	30-31	2	16		73	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TUYẾT	CLO	18	1	15		75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	CLO	16-17	2	18		63	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐAM	CLO	19	1	8		73	DVL	Vietnamese
21	VŨ CHÍ THANH	CLO	20-21	2	17		77	DVL	Vietnamese
22	TRẦN QUANG HUY.	CLO	15	1	15		90	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	4	4	51	302	82	0		1 NB NG HOANG AN NGOI GHE PHU
2	CTK3	1	0	0	70	29	1		
3	CLO	17	20	168	1.237	15	21		
TOTAL		22	24	219	1.609	126	22		
WEIGHT KG				219	1.609	126			

GRAND TOAL: 1.954 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: RP1 - TD3 - TD1	CREW: Hạnh - XTrưởng - Huy	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC HOÀN	RP1	29	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN THANH	RP1	31	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NG. VĂN BAO TRUNG	RP1	35	1	6	20	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	27	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NAM TRUNG	RP1	26	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	32	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TÀNG THANH DÂN	RP1	36	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	33	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	34	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ NG. MINH KHÔI	RP1	28	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG SỸ THẬP	RP1	37	1	4		81	PSV	Vietnamese
14	SADOVNICHENKO	TD3	18	1	12		107	KHOAN	Russian
15	TRƯỜNG THẾ VINH	TD3	24	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC THAI	TD3	23	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
17	HÀ VĂN TRUNG	TD3	21	1	16	22	65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH THUẬN	TD3	19-20	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TIẾN.	TD1	02	1	5		64	DVL	Vietnamese
20	LÊ XUÂN TÙNG	TD1	27	1	10		67	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	13	12	61	945	20	10		
2	TD3	5	6	54	391	22	0		
3	TD1	2	2	15	131	0	3		
TOTAL		20	20	130	1.467	42	13		
WEIGHT KG				130	1.467	42			

GRAND TOAL: 1.639 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2021	TO: BK3 - BK5 - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Anh - THU	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC TRUYỀN	BK3	39	1	5	45	75	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TOÀN	BK3	62	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VĂN QUANG	BK3	38	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI DUY TÂN	BK3	40	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH DŨNG	BK3	35-36	2	10		71	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	BK3	37	1	9		84	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG TRUNG	BK3	59-61	3	15		66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG THĂNG	BK3	38	1	5		81	PSV	Vietnamese
9	THAN VĂN KIẾN	BK5	71	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
10	LE QUY ĐÓN	BK5	67-68	2	12		73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HÙNG	BK5	74	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese
12	TRUONG THE HUY	BK5	78-79	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHÚC	BK5	72	1	15	12	58	XAY LAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC THO	BK5	69-70	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐOÀN	BK5	77	1	12	9	75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC HOÀ	BK5	75-76	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM THANH HIỆN	P2	03,93	2	6		78	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ NGỌC DŨNG	P2	95-97	3	11		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐỨC HẬU	P2	99	1	10	50	60	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	20-21	2	20		92	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THU	P2	98	1	7		54	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	8	11	77	571	45	0		
2	BK5	8	12	113	518	21	6		
3	P2	5	9	54	354	50	6		
TOTAL		21	32	244	1.443	116	12		
WEIGHT KG				244	1.443	116			

GRAND TOTAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



